

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2025
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Chính.

Ông Nguyễn Duy Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1977 (xin vắng).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Tạ Công N, sinh năm 1977 (vắng).

Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà D và ông N có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 1997, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2007 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng cũng sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà D yêu cầu ly hôn với ông N.

- Về con chung: Có 01 người con tên Tạ Tuyết N1 (nữ), sinh ngày 20/5/2002. Con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Tạ Công N đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N từ chối làm việc và vắng mặt, không có ý kiến phản đối.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà D xin ly hôn với ông N, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do bị đơn cư trú tại khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà D và N có thời gian tìm hiểu và chung sống vào năm 1997, hôn nhân chỉ tổ chức đám cưới gã theo phong tục tập quán địa phương mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, lúc đầu hôn nhân hạnh phúc, đến năm 2007 giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà D yêu cầu ly hôn với ông N, ông N không phản đối. Xét, ông bà chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ của ông bà không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 người con tên Tạ Tuyết N1 (nữ), sinh ngày 20/5/2002. Con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận, về công nợ không có và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14,

53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị D với ông Tạ Công N.

- Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra xem xét.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng, bà D được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014332 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, bà D đã nộp xong án phí.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thùy Linh